

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý
đối với báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BTP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 7273/TTr-STP-PBGDPL ngày 24 tháng 12 năm 2014 và ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý đối với báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 51/2001/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế tuyên truyền viên pháp luật ở cơ sở và Quyết định số 71/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế về báo cáo viên pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, các báo cáo viên pháp luật và tuyên truyền viên pháp luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ; Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Đảng ủy Khối Dân - Chính - Đảng TP;
- Văn phòng Thành ủy; Các ban Thành ủy: Nội chính, Tuyên giáo, Dân vận;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP và các Đoàn thể TP;
- Tòa án nhân dân TP, Viện kiểm sát nhân dân TP;
- VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND TP;
- Hội Luật gia TP; Đoàn Luật sư TP;
- Báo Sài Gòn Giải Phóng;
- VPUB: Các PVP;
- Các phòng chuyên viên;
- Trung tâm Tin học; Trung tâm Công báo;
- Ban biên tập HCM CityWeb và Trang thông tin điện tử Đảng bộ TP;
- Lưu: VT, (NC/TrH+HSXL) D. 460

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tất Thành Cang

QUY CHẾ

Quản lý đối với báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2015/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định tiêu chuẩn, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và quy định trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc quản lý, bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Phạm vi hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn nơi công nhận báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

Điều 3. Yêu cầu đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ pháp luật.
2. Nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật phải rõ ràng, chính xác.
3. Sinh động, dễ hiểu, có sức thuyết phục, phù hợp với đối tượng được phổ biến, giáo dục pháp luật và gắn với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 4. Tiêu chuẩn báo cáo viên pháp luật

Là cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân, có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, được người có thẩm quyền ra quyết định công nhận là báo cáo viên pháp luật theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Thông tư số 21/2013/TT-BTP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật và Quy chế này.

Điều 5. Tiêu chuẩn tuyên truyền viên pháp luật

Là những người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1, Điều 37 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, được người có thẩm quyền ra quyết định công nhận là tuyên truyền viên pháp luật theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Thông tư số 21/2013/TT-BTP và Quy chế này.

Chương II

THỦ TỤC CÔNG NHẬN, MIỄN NHIỆM BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT

Điều 6. Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị lựa chọn, lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Quy chế này và có văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật được lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Công văn đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Danh sách trích ngang người được đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật bao gồm: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, chức vụ, chức danh, nơi công tác, trình độ chuyên môn, thời gian công tác pháp luật, chuyên ngành báo cáo, địa chỉ liên hệ, điện thoại (*cơ quan, di động*), hộp thư điện tử (*email*), fax theo Mẫu số 1 tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

c) 01 ảnh màu chân dung (*khổ 03 cm x 04 cm*).

3. Hồ sơ đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Sở Tư pháp (*đối với báo cáo viên pháp luật Thành phố*), Phòng Tư pháp (*đối với báo cáo viên pháp luật quận, huyện*), ngoài bì ghi rõ: "*Hồ sơ đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật*".

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đó, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp (*đối với báo cáo viên pháp luật Thành phố*), Phòng Tư pháp (*đối với báo cáo viên pháp luật quận, huyện*) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật và ghi vào Sổ theo dõi hoạt động của báo cáo viên pháp luật Thành phố (*hoặc quận, huyện*) theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

5. Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật được gửi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật và báo cáo viên pháp luật có tên trong Quyết định công nhận; đồng thời được công bố công khai theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 16 Thông tư số 21/2013/TT-BTP.

Điều 7. Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát, lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan thuộc các trường hợp miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 21/2013/TT-BTP và có văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật được lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Công văn đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Danh sách báo cáo viên pháp luật thuộc trường hợp đề nghị miễn nhiệm theo Mẫu số 02/BCVPL ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BTP.

c) Các văn bản, giấy tờ chứng minh báo cáo viên pháp luật thuộc một trong các trường hợp miễn nhiệm (*trừ trường hợp được quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 21/2013/TT-BTP*).

3. Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Sở Tư pháp (*đối với báo cáo viên pháp luật Thành phố*), Phòng Tư pháp (*đối với báo cáo viên pháp luật quận, huyện*), ngoài bì ghi rõ: "*Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật*".

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đó, cơ quan tiếp nhận trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp (*đối với báo cáo viên pháp luật Thành phố*), Phòng Tư pháp (*đối với báo cáo viên pháp luật quận, huyện*) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật và ghi vào Sổ theo dõi hoạt động của báo cáo viên pháp luật Thành phố (hoặc quận, huyện) theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

5. Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật được gửi cho cơ quan, tổ chức đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật và người có tên trong Quyết định miễn nhiệm; đồng thời được công bố công khai theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 16 Thông tư số 21/2013/TT-BTP.

6. Trường hợp không đồng ý với quyết định miễn nhiệm, người bị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật có quyền khiếu nại. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

7. Trường hợp báo cáo viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác mà xét thấy không thể hoàn thành nhiệm vụ thì xin thôi làm báo cáo viên pháp luật. Đơn xin thôi làm báo cáo viên pháp luật gửi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi báo cáo viên pháp luật công tác để cơ quan, tổ chức, đơn vị này có Công văn đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Sở Tư pháp (*đối với báo cáo viên*

pháp luật Thành phố), Phòng Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật quận, huyện), ngoài bì ghi rõ: “Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật”.

8. Báo cáo viên pháp luật đang trong giai đoạn bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi báo cáo viên pháp luật công tác lập danh sách (theo Mẫu số 03CVPL ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BTP) đề nghị Sở Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật Thành phố), Phòng Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật quận, huyện) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định tạm dừng hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của báo cáo viên pháp luật và ghi vào Sổ theo dõi hoạt động của báo cáo viên pháp luật theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

9. Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của báo cáo viên pháp luật chấm dứt kể từ khi Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật có hiệu lực thi hành.

Chương III **THỦ TỤC CÔNG NHẬN, CHO THÔI LÀM** **TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT**

Điều 8. Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật

1. Trưởng Ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với Tổ trưởng Tổ dân phố công khai tiêu chuẩn tuyên truyền viên pháp luật theo quy định tại Khoản 1, Điều 37 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, trình tự, thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật theo quy định tại Thông tư số 21/2013/TT-BTP và Quy chế này tới cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn.

2. Trong tháng 06 và tháng 12 hàng năm, Trưởng Ban công tác Mặt trận lựa chọn, lập danh sách những người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và có văn bản đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật gửi công chức Tư pháp - Hộ tịch xã, phường, thị trấn (gọi tắt là công chức Tư pháp - Hộ tịch).

3. Hồ sơ đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật được lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của Trưởng Ban công tác Mặt trận.

b) Danh sách trích ngang người được đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật bao gồm: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, chức vụ, chức danh, nơi công tác (nếu có), trình độ chuyên môn (nếu có), lĩnh vực tuyên truyền, địa chỉ liên hệ, điện thoại (cơ quan, di động), hộp thư điện tử (email), fax theo Mẫu số 2 tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

c) 01 ảnh màu chân dung (khổ 03 cm x 04 cm).

4. Sau khi nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của Trưởng Ban công tác Mặt trận, công chức Tư pháp - Hộ tịch tổng hợp danh sách những người có đủ tiêu chuẩn làm tuyên truyền viên pháp luật, định kỳ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xem xét, công nhận tuyên truyền viên pháp luật trước ngày 15 tháng 01 và ngày 15 tháng 7 hàng năm.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức Tư pháp - Hộ tịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xem xét, ra quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật.

6. Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật được gửi cho Trưởng Ban công tác Mặt trận, tuyên truyền viên pháp luật có tên trong Quyết định công nhận; được công bố công khai theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 16 Thông tư số 21/2013/TT-BTP và được công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi vào Sổ theo dõi hoạt động của tuyên truyền viên pháp luật xã, phường, thị trấn theo Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Điều 9. Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật

1. Trưởng Ban công tác Mặt trận rà soát, lập danh sách những người thuộc trường hợp cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Thông tư số 21/2013/TT-BTP và có văn bản đề nghị cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật gửi công chức Tư pháp - Hộ tịch.

2. Hồ sơ đề nghị cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật được lập thành 01 bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật của Trưởng Ban công tác Mặt trận.

b) Danh sách tuyên truyền viên pháp luật thuộc trường hợp đề nghị cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật theo Mẫu số 05CVPL ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BTP.

3. Sau khi nhận được văn bản đề nghị cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật của Trưởng Ban công tác Mặt trận, công chức Tư pháp - Hộ tịch xem xét, tổng hợp danh sách những người thuộc trường hợp cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và ghi vào Sổ theo dõi hoạt động của tuyên truyền viên pháp luật xã, phường, thị trấn theo Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật được gửi cho Trưởng Ban công tác Mặt trận, người có tên trong Quyết định và được công bố công khai theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 16 Thông tư số 21/2013/TT-BTP.

4. Trong trường hợp tuyên truyền viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác mà xét thấy không thể hoàn thành nhiệm vụ thì xin thôi làm tuyên truyền viên pháp luật. Đơn xin thôi

làm tuyên truyền viên pháp luật gửi cho công chức Tư pháp - Hộ tịch để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ra Quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và ghi vào Sổ theo dõi hoạt động của tuyên truyền viên pháp luật xã, phường, thị trấn theo Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

5. Tuyên truyền viên pháp luật đang trong giai đoạn bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền, công chức Tư pháp - Hộ tịch lập danh sách (theo Mẫu số 06CVPL ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BTP) đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tạm dừng hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của tuyên truyền viên pháp luật và ghi vào Sổ theo dõi hoạt động của tuyên truyền viên pháp luật xã, phường, thị trấn theo Mẫu số 4 tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

6. Tuyên truyền viên pháp luật chấm dứt hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật kể từ khi Quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật có hiệu lực thi hành.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT, TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT

Điều 10. Quyền của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

1. Được cung cấp văn bản pháp luật, thông tin, tài liệu pháp luật phục vụ cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật; được mời tham dự các hội nghị, hội thảo liên quan đến công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Được hưởng thù lao và các khoản chi hỗ trợ hợp pháp khác từ hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật.

4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nghĩa vụ của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

1. Thực hiện có chất lượng nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công của lãnh đạo cơ quan, tổ chức mình hoặc theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương; phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật khác như: hội thi, hội thảo, biên soạn các loại tài liệu tuyên truyền pháp luật.

2. Phát ngôn đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; truyền đạt đúng nội dung văn bản quy phạm pháp luật; không được tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và thực hiện các hành vi bị cấm khác trong quá trình tham gia thực hiện phổ biến pháp luật.

3. Học tập chuyên môn, trau dồi kỹ năng, tìm hiểu thực tiễn và thu thập thông tin để nâng cao chất lượng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật.

4. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất, báo cáo kết quả hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của mình cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp và Sở Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật Thành phố), Phòng Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật quận, huyện), công chức Tư pháp - Hộ tịch (đối với tuyên truyền viên pháp luật).

5. Không được lợi dụng danh nghĩa báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật để thực hiện các hoạt động không thuộc nhiệm vụ được giao nhằm mục đích vụ lợi hoặc lợi dụng hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật để kích động, gây phương hại đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, truyền thống văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Chương V **KINH PHÍ BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA** **BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT, TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT**

Điều 12. Kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý và hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

Kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý và hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật do ngân sách nhà nước cấp hàng năm trong dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định pháp luật và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 13. Thù lao cho hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

Thù lao cho hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp về lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, Quy định một số mức chi cụ thể cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Trên cơ sở Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, quy định của Bộ Tư pháp, Quy chế này, thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý; có biện pháp xây dựng đội ngũ báo cáo viên pháp luật trong đồng bào các dân tộc thiểu số và các đối tượng đặc thù quy định tại Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Cung cấp văn bản quy phạm pháp luật, thông tin, tài liệu pháp luật chuyên ngành cho báo cáo viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

c) Phân công, giới thiệu báo cáo viên pháp luật thuộc quyền quản lý trực tiếp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu phổ biến, giáo dục pháp luật để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật.

d) Công bố công khai danh sách báo cáo viên pháp luật, các Quyết định công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý trên cổng/trang thông tin điện tử hoặc niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho báo cáo viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

e) Định kỳ 6 tháng, hàng năm, báo cáo chung trong báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố, quận, huyện về kết quả xây dựng, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

g) Kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về hoạt động của báo cáo viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

h) Tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm cho báo cáo viên pháp luật thuộc quyền trực tiếp quản lý thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật chủ trì, tham mưu giúp lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch

1. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát, củng cố, kiện toàn hàng năm đối với đội ngũ báo cáo viên pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Chủ trì tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho báo cáo viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho báo cáo viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

d) Quản lý các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của báo cáo viên pháp luật Thành phố theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

đ) Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

e) Phân công, giới thiệu báo cáo viên pháp luật thuộc quyền quản lý trực tiếp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu phổ biến, giáo dục pháp luật để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật.

g) Công bố công khai danh sách báo cáo viên pháp luật, các Quyết định công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật Thành phố trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành kiểm tra, sơ kết, tổng kết và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đối với hoạt động phổ biến pháp luật của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

k) Định kỳ 6 tháng, hàng năm, báo cáo chung trong báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Tư pháp về kết quả xây dựng, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

2. Phòng Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân quận, huyện:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo củng cố, kiện toàn báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ trì tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

d) Quản lý các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của báo cáo viên pháp luật quận, huyện theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

đ) Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

e) Phân công, giới thiệu báo cáo viên pháp luật thuộc quyền quản lý trực tiếp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu phổ biến, giáo dục pháp luật để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật.

g) Công bố công khai danh sách báo cáo viên pháp luật, các Quyết định công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý trên cổng/trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận, huyện và thông báo cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành kiểm tra, sơ kết, tổng kết và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

k) Định kỳ 06 tháng, hàng năm, báo cáo chung trong báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho Ủy ban nhân dân quận, huyện và Sở Tư pháp về kết quả xây dựng, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

3. Công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật, Quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật; rà soát, củng cố, kiện toàn đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật hàng năm.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

c) Quản lý các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

d) Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho tuyên truyền viên pháp luật.

đ) Phân công, giới thiệu tuyên truyền viên pháp luật thuộc quyền quản lý trực tiếp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu phổ biến, giáo dục pháp luật để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật.

e) Công bố công khai danh sách tuyên truyền viên pháp luật, các Quyết định công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý trên công/trang thông tin điện tử hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành sơ kết, tổng kết và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đối với hoạt động phổ biến pháp luật của tuyên truyền viên pháp luật.

h) Định kỳ 6 tháng, hàng năm, báo cáo chung trong báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho Ủy ban nhân dân quận, huyện và Phòng Tư pháp về kết quả xây dựng, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

Điều 16. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Kiểm toán nhà nước Khu vực IV

Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố, Kiểm toán nhà nước Khu vực IV thông báo danh sách, các quyết định công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước cho Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật Thành phố), Ủy ban nhân dân quận, huyện, Phòng Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật quận, huyện).

Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 17. Khen thưởng, kỷ luật

1. Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật có thành tích xuất sắc trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật thì được Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật vi phạm pháp luật và Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử lý theo quy định pháp luật.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức triển khai thi hành có hiệu quả Quy chế này.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thi hành có hiệu quả Quy chế này; làm đầu mối tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành và tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tất Thành Cang

Phụ lục
MỘT SỐ BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG VIỆC QUẢN LÝ
BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT, TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT
(Kèm theo Quy chế quản lý đối với báo cáo viên pháp luật,
tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Mẫu số 1. Danh sách trích ngang người được đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật.

2. Mẫu số 2. Danh sách trích ngang người được đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật.

3. Mẫu số 3. Sổ theo dõi hoạt động của báo cáo viên pháp luật Thành phố (quận, huyện).

4. Mẫu số 4. Sổ theo dõi hoạt động của tuyên truyền viên pháp luật xã (phường, thị trấn)./.

Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG
NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ, chức danh và đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác pháp luật (năm)	Chuyên ngành báo cáo	Địa chỉ liên hệ	ĐT-Email-Fax

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo, cơ quan, tổ chức, đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ủy ban MTTQ xã, phường, thị trấn
Ban công tác Mặt trận....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....,ngày.....tháng.....năm.....

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG
NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT**

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ, chức danh và đơn vị công tác (nếu có)	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực tuyên truyền	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại (cơ quan, di động)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng ban công tác Mặt trận
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
SỞ (PHÒNG) TƯ PHÁP

**SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG CỦA
BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT
THÀNH PHỐ (QUẬN, HUYỆN).....**

NĂM:

THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT

Hình 3 x 4	Họ tên:	Số thứ tự:
	Ngày sinh:	Giới tính:
	Địa chỉ liên hệ:	
	Điện thoại CQ:	ĐTDD:
	Email:	Fax:

Chức vụ, nơi công tác:
Trình độ chuyên môn:
Thời gian công tác pháp luật:
Lĩnh vực pháp luật đăng ký báo cáo: 1. 2. 3. 4.
Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật: (ghi rõ số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định):
Quyết định thôi làm báo cáo viên pháp luật: (ghi rõ số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định):
Ghi chú:

THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG CỦA BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT
(Định kỳ 6 tháng và hàng năm)

Thời gian	Nội dung, địa điểm báo cáo	Số buổi báo cáo	Đối tượng tham dự	Số lượng tham dự (ước tính)	Ghi chú
Sáu tháng đầu năm					
Sáu tháng cuối năm					
Tổng hợp cả năm					

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN).....

**SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG
TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT
XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN).....**

NĂM:

THÔNG TIN VỀ TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT

Hình 3 x 4	Họ tên:	Số thứ tự:
	Ngày sinh:	Giới tính:
	Địa chỉ liên hệ:	
	Điện thoại CQ:	ĐT DD:
	Email:	Fax:

Chức vụ, nơi công tác:

Trình độ chuyên môn:

Thời gian công tác pháp luật:

Lĩnh vực pháp luật đăng ký tuyên truyền:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
-

Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật: (ghi rõ số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định):

Quyết định thôi làm tuyên truyền viên pháp luật: (ghi rõ số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định):

Ghi chú:

THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG CỦA TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT
(Định kỳ 6 tháng và hàng năm)

Thời gian	Nội dung, địa điểm báo cáo	Số buổi báo cáo	Đối tượng tham dự	Số lượng tham dự (ước tính)	Ghi chú
Sáu tháng đầu năm					
Sáu tháng cuối năm					
Tổng hợp cả năm					